

Bản án số: 08/2023/HS-ST
Ngày 06/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Anh Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phạm Văn Miên

+ Ông Lê Đình Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Chinh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2023/TLST-HS, ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Năng T; tên gọi khác: Không, sinh năm: 1970, tại: huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn Đoàn Kết, xã Ia Dóck, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Năng Tụng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nuôi (đã chết); bị cáo có vợ tên là Đoàn Thị Hồng, sinh năm 1973 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/9/2022 đến ngày 23/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn C; tên gọi khác: Không, sinh năm: 1969, tại: huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi cư trú: Thôn Ia Tang, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ngan (đã chết) và bà Nguyễn Thị Chao (đã chết); bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1969 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/9/2022 đến ngày 23/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Chân B; tên gọi khác: Không, sinh năm: 1981, tại: huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Ia Tang, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Chân Bèo (đã chết) và bà Trương Thị Ngọc (đã chết); bị cáo có vợ tên là Lương Thị Nhộn, sinh năm 1982 và 02 người con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/9/2022 đến ngày 23/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đình D; tên gọi khác: Không, sinh năm: 1989, tại: huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn Đoàn Kết, xã Ia Dớt, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Hiệu, sinh năm 1951 và bà Trương Thị Lý, sinh năm 1957; bị cáo có vợ tên là Đình Thị Hằng, sinh năm 1994 và 02 người con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/9/2022 đến ngày 23/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn Ia Tang, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người chứng kiến:

Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn Ia Tang, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 20/9/2022, Nguyễn Văn C tổ chức ăn nhậu với Lê Chân B, Nguyễn Năng T và Nguyễn Đình D tại nhà riêng của mình thuộc thôn Ia Tang, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G. Trong lúc ăn nhậu thì có Nguyễn Thị Y (vợ của C) cùng ngồi ăn cơm cho đến khoảng 20 giờ 00 cùng ngày thì đi ngủ, còn C, B, T và D tiếp tục ăn nhậu một lúc nữa thì tất cả nghỉ nhậu và lên phòng khách xem bóng đá. Đến khoảng 21 giờ 00 cùng ngày, T rủ C, B và D đánh bài phỏm ăn tiền thì cả ba đồng ý. C đi mua 02 bộ bài tú lơ khơ, rồi lấy chiếc chiếu nhựa vừa nhậu xong và 01 chiếc chăn trải lên rồi cả 04 (bốn) bắt đầu chơi. Trước khi chơi, C sử dụng số tiền là 4.850.000đ (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), B sử dụng số tiền là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), D sử dụng số tiền là 1.210.000đ (Một triệu hai trăm mười nghìn đồng), T sử dụng số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để đánh bạc và quy định hình thức, tỷ lệ ăn thua như sau:

Đánh bài “Phỏm” thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng, sử dụng bài tú lơ khơ loại 52 lá bài. Theo quy định giá trị từ cao đến thấp như sau: K>Q>J>10>9>8>7>6>5>4>3>2>A. Quân bài K lớn nhất tương đương với số điểm cao nhất (13 điểm) và quân bài A (xì) nhỏ nhất tương đương với số điểm thấp nhất (1 điểm). Các lá bài có cùng giá trị hoặc các lá bài cùng chất có giá trị đứng liên tiếp nhau tạo thành một nhóm (ít nhất có từ 3 lá bài) được gọi là phỏm, gồm có phỏm ngang và phỏm dọc (sảnh). Người chia bài đầu sẽ được chia 10 lá bài, ba người chơi còn lại mỗi người được chia 09 lá bài, số bài còn lại sẽ để ở giữa chiếu bạc, gọi là bài “Nọc”. Sau khi chia bài xong thì người chia bài sẽ được đánh đầu tiên và đánh 01 lá bài cho người bên cạnh theo hướng chia bài. Người ngồi kế tiếp có quyền bốc lá bài vừa đánh xuống nếu lá bài này tạo thành phỏm, nếu không bốc lá bài này thì sẽ bốc từ bài Nọc và đánh cho người kế tiếp. Cứ như thế cho đến khi số lá bài từ bài Nọc được bốc lên đánh hết thì ván bài sẽ kết thúc. Người nào có phỏm thì hạ phỏm xuống để tính điểm, người nào có số điểm cao nhất là người về bét, người có điểm thấp nhất là người về nhất và sẽ thắng tiền của người về nhì, về ba và về bét lần lượt số tiền là 50.000 đồng, 100.000 đồng và 150.000 đồng. Bài người nào không có phỏm thì gọi là bài “cháy” và sẽ chung cho người về nhất số tiền là 200.000đ. Bài người nào có 03 phỏm thì gọi là bài “Ù” và thắng tiền của

mỗi người chơi còn lại mỗi người 250.000đ. Bài người nào có 03 phỏm mà không lẻ lá bài nào thì gọi là bài “Ù tròn” và thắng tiền của mỗi người chơi còn lại mỗi người 300.000đ. Ngoài ra, quá trình đánh bạc cả 04 đối tượng tự nguyện thống nhất với nhau nếu người nào có 02 ván bài Ù thì sẽ lấy ra số tiền 50.000 đồng để phục vụ cho việc mua nước uống và thuốc lá cho quá trình đánh bạc.

Đến khoảng 22 giờ 30 cùng ngày, khi các đối tượng đang chơi đánh bài, bà Y dậy đi vệ sinh, thấy đèn phòng khách còn sáng nên đi ra thì thấy C, B, T và D đang đánh bạc ăn tiền. Lúc này, C đưa cho bà Y số tiền 250.000 đồng (số tiền các đối tượng tự nguyện bỏ ra khi có 02 ván bài ù) để nhờ đi mua nước và thuốc lá. Lúc này, lực lượng Công an huyện Đ kiểm tra, bắt quả tang và tạm giữ số tiền trên chiếu bạc 9.060.000 đồng (chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) bà Y vừa cầm trên tay và một số đồ đạc phục vụ cho việc đánh bạc.

Tại Kết luận giám định số 669/KLGD ngày 07/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G, Kết luận: 13 (mười ba) tờ tiền Việt Nam Đồng (VNĐ) mệnh giá 500.000 đồng mẫu C giám định (ký hiệu từ A1 đến A13) là tiền thật; 10 (mười) tờ tiền Việt Nam Đồng (VNĐ) mệnh giá 200.000 đồng mẫu C giám định (ký hiệu từ A14 đến A23) là tiền thật; 01 (một) tờ tiền Việt Nam Đồng (VNĐ) mệnh giá 100.000 đồng mẫu C giám định (ký hiệu từ A24) là tiền thật; 14 (mười bốn) tờ tiền Việt Nam Đồng (VNĐ) mệnh giá 50.000 đồng mẫu C giám định (ký hiệu từ A25 đến A28) là tiền thật; 01 (một) tờ tiền Việt Nam Đồng (VNĐ) mệnh giá 10.000 đồng mẫu C giám định (ký hiệu từ A39) là tiền thật. Tổng cộng: 9.310.000đ (chín triệu ba trăm mười nghìn đồng).

Tại Bản Cáo trạng số: 05/CT-VKS, ngày 12/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố các bị cáo Nguyễn Năng T, Nguyễn Văn C, Lê Chân B và Nguyễn Đình D về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị:

- **Về tội danh:** Đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Năng T, Nguyễn Văn C, Lê Chân B và Nguyễn Đình D phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- **Về mức hình phạt:**

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 321; các Điều 38, 50, 58; điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Năng T.

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 321; các Điều 38, 50, 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 321; các Điều 38, 50, 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Chân B.

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 321; các Điều 38, 50, 58; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Đình D.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Năng T từ 08 (tám) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C từ 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Chân B từ 04 (bốn) tháng tù đến 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình D từ 04 (bốn) tháng tù đến 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Năng T từ: 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

+ Đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Chân B và Nguyễn Đình D mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

- **Về án phí:** Các bị cáo Nguyễn Năng T, Nguyễn Văn C, Lê Chân B và Nguyễn Đình D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 21 giờ 00, ngày 20/9/2022, tại thôn Ia Tang, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G, Nguyễn Năng T, Nguyễn Văn C, Lê Chân B và Nguyễn Đình D đã có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi bài “Phỏm”. Đến khoảng 22 giờ 30 cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Đức Cơ bắt quả tang và thu giữ số tiền 9.310.000đ (chín triệu ba trăm mười nghìn đồng) và các vật chứng khác.

Số tiền mà các bị cáo đem theo để đánh bạc là: Nguyễn Năng T đem theo: 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn C đem theo: 4.850.000 đồng, Lê Chân B đem theo: 1.250.000 đồng, Nguyễn Đình D đem theo: 1.210.000 đồng.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, B bản phạm tội quả tang cũng như lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Năng T, Nguyễn Văn C, Lê Chân B và Nguyễn Đình D đã phạm vào tội: “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị cho việc đánh bạc từ trước, chỉ sau khi nhậu xong bị cáo T mới nảy sinh ý định đánh bạc và các bị cáo khác hưởng ứng; bị cáo C dùng nhà của bị cáo, chuẩn bị công cụ và cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo T, B, D. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra.

[4] Các bị cáo có đủ nhận thức để biết rằng hành vi đánh bạc được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, là tệ nạn xã hội nhưng vì muốn thu lợi bất chính các bị cáo đã sát phạt nhau để ăn tiền. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên C xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt C phải xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy C áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo;

Bị cáo Nguyễn Năng T có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu và công tác được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang Hạng Nhất và Huy chương quân kỳ chiến thắng Hạng Nhất; được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam; đồng thời bị cáo T có mẹ ruột là người có công với

cách mạng; Bị cáo Nguyễn Đình D có cha ruột là người có công cách mạng. Vì vậy áp dụng thêm điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Năng T và áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Đình D là phù hợp.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, hành vi phạm tội là bộc phát, không có tổ chức, bàn bạc, chuẩn bị cho việc phạm tội từ trước. Từ trước cho đến khi phạm tội các bị cáo đều chấp hành đầy đủ chính sách pháp luật của Nhà nước. Gia đình bị cáo Nguyễn Năng T có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, hiện tại bị cáo đang nuôi ba cháu ngoại bị mồ côi cả cha và mẹ do tai nạn giao thông. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Văn C nghề nghiệp làm nông, thu nhập không ổn định, vì vậy miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo C.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đánh bạc với mục đích thu lợi bất chính, vì vậy C áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[9] Trong vụ án này có bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1969, trú tại: Thôn Ia Tang, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G (vợ bị cáo C): Quá trình điều tra xác định bà Y không biết việc đánh bạc, không tổ chức đánh bạc tại nơi ở của mình để thu lợi bất chính nên không đề cập xử lý đối với bà Y là phù hợp.

[10] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 9.310.000đ (chín triệu ba trăm mười nghìn đồng) là số tiền mà các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc. Vì vậy C tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 (một) chiếc chăn có nhiều hoa văn và màu sắc khác nhau, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu được làm bằng nhựa, đã qua sử dụng; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ loại 52 lá bài, đã qua sử dụng. Là công cụ mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Vì vậy, C tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Năng T, Nguyễn Văn C, Lê Chân B và Nguyễn Đình D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- khoản 1, khoản 3 Điều 321; Các Điều 17, 50, 58; các điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Năng T.

- khoản 1, khoản 3 Điều 321; Các Điều 17, 36, 50, 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

- khoản 1 Điều 321; Các Điều 17, 35, 50, 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Chân B.

- khoản 1 Điều 321; Các Điều 17, 35, 50, 58; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Đình D.

- khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Năng T, Nguyễn Văn C, Lê Chân B và Nguyễn Đình D phạm tội: “Đánh bạc”.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Năng T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 06/3/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Năng T cho Ủy ban nhân dân xã Ia Dók, huyện Đ, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/9/2022 đến ngày 23/9/2022. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Ia Kla, huyện Đ nhận được Quyết định thi hành án và Bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

+ Xử phạt bị cáo Lê Chân B số tiền là: 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D số tiền là: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Hình phạt bổ sung:

Xử phạt tiền: Bị cáo Nguyễn Năng T số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt tiền: Bị cáo Nguyễn Văn C số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.310.000đ (chín triệu ba trăm mười nghìn đồng).

Theo B bản giao, nhận vật chứng ngày 28/10/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Kho bạc Nhà nước huyện Đ.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá, 01 (một) chiếc chăn có nhiều hoa văn và màu sắc khác nhau, đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc chiếu được làm bằng nhựa, đã qua sử dụng.

Theo B bản giao, nhận vật chứng ngày 13/01/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Năng T, Nguyễn Văn C, Lê Chân B và Nguyễn Đình D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/3/2023) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Đặng Anh Việt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Pleiku;
- Công an thành phố Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Pleiku;
- Công an thành phố Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH G
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toà phiên toà: Ông Lê Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Lê Thị Thanh Cờng

Nghề nghiệp: Phó chủ tịch Hội LHPN phường Tây Sơn, TP.Pleiku, G.

Ông: Ngô Quốc Túy

Nghề nghiệp: Cán bộ hu trí

Căn cứ vào Điều 119; Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào hồi ... giờ ... ngày 10 tháng 4 năm 2014, tại phòng nghị án. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự: Võ Thành Đợc bị VKSND thành phố Pleiku, G truy tố về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đọc thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận và Quyết định những vấn đề phải giải quyết trong vụ án nh sau:

1/ Về tội danh:

Hội đồng xét xử sơ thẩm thống nhất: Tuyên bố bị cáo Võ Thành Đợc phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Kết quả biểu quyết: 03/03 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ: 100%

2/ Về Điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự

Kết quả biểu quyết: 03/03 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ: 100%

3/ Về hình phạt:

Xử phạt: Lê Quang Vong 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính kể từ ngày tạm giữ là ngày 19/11/2013.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ: 100%

4/ Những vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án:

Xử: buộc bị cáo Võ Thành Đốc phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tuyên quyền kháng cáo của bị cáo và đương sự trong phần cuối của bản án.
Ra Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo công tác thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ: 100%

Biên bản kết thúc vào lúc giờ ngày 10 tháng 4 năm 2014 và đọc lại cho thành phần Hội đồng xét xử cùng nghe thống nhất ký tên đối đây.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TOÀ**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN

Lê Ngọc Bình

